CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Thiết bị Bưu điện

Ngày 30/06/2025	17,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	13.0%	**7.4%**	**4.8%**

DT thuần
Q2/25
402
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 269| 202%
YoY: ▼1.00| -0.2%

LN thuần
Q2/25
0.23
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 10.1| 102%
YoY: ▲ 7.19| 103%

LN sau thuế
Q2/25
0.35
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.75| 104%
YoY: ▲ 0.11| 46.6%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
3.2%
YoY: +/-▲ 3.9%

ROE (TTM)
Q2/25
-1.8%
YoY: +/-▲ 0.0%

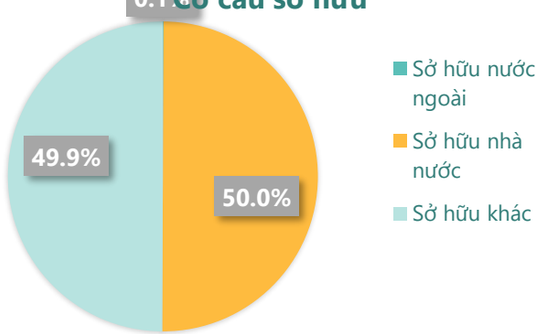
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	14,520 - 20,786
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	336
Số lượng CPLH (CP)	19,430,006
KLGD BQ 20 phiên (CP)	24,616
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.25
EPS	-274
P/E	-63.2

DT thuần
6T 2025
535
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 37.0| 7.3%

LN thuần
6T 2025
-9.59
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.07| -47.0%

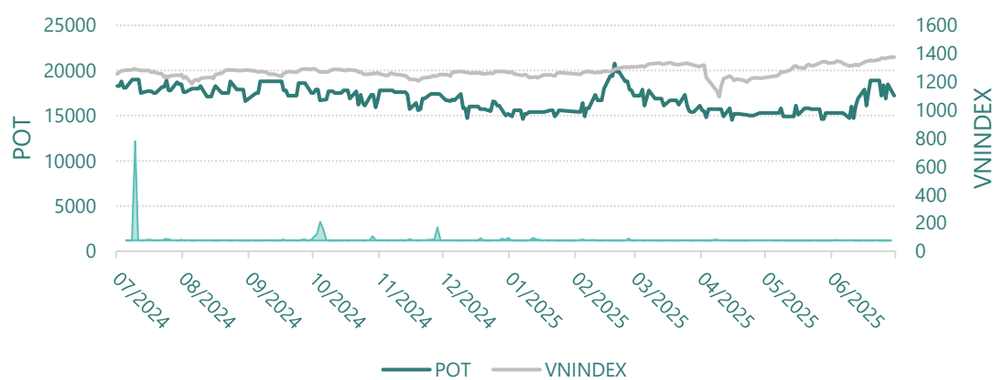
LN sau thuế
6T 2025
-9.05
tỷ VNĐ
YoY: ▼9.36| -3015%

Cơ cấu sở hữu

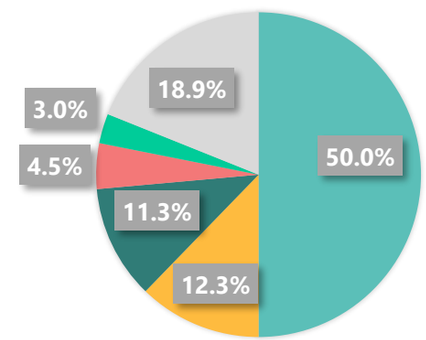


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

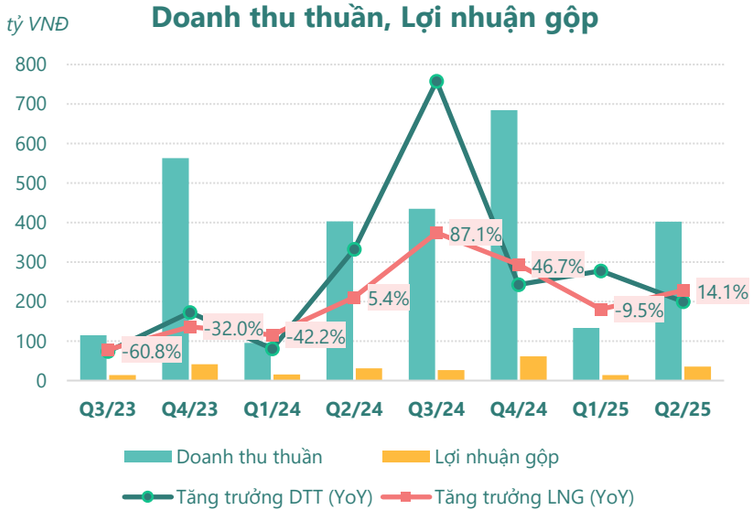


- Tập Đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam
- Dương Trung Lợi (Thành viên HĐQT)
- CTCP Chứng khoán Ngân hàng Lộc Phát Việt Nam
- Phạm Thị Thanh Hồng
- Nguyễn Tuấn Hà
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

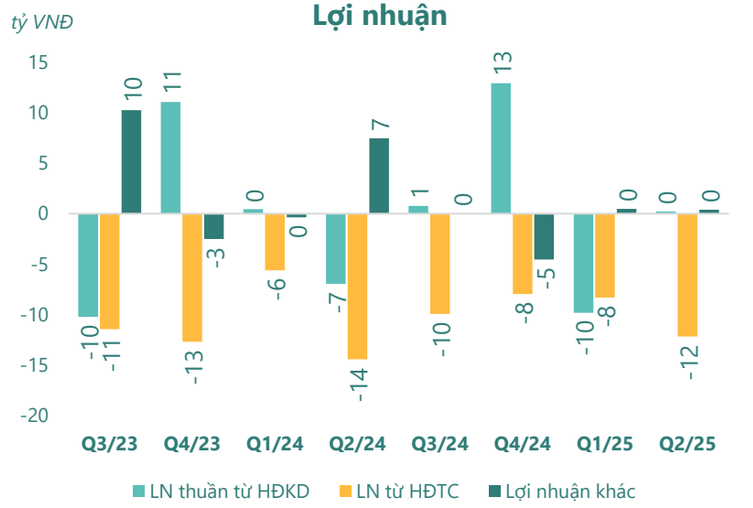
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



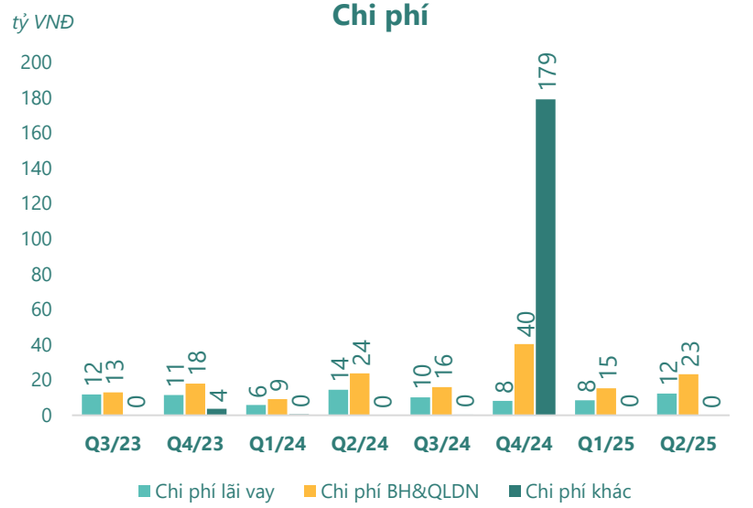
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



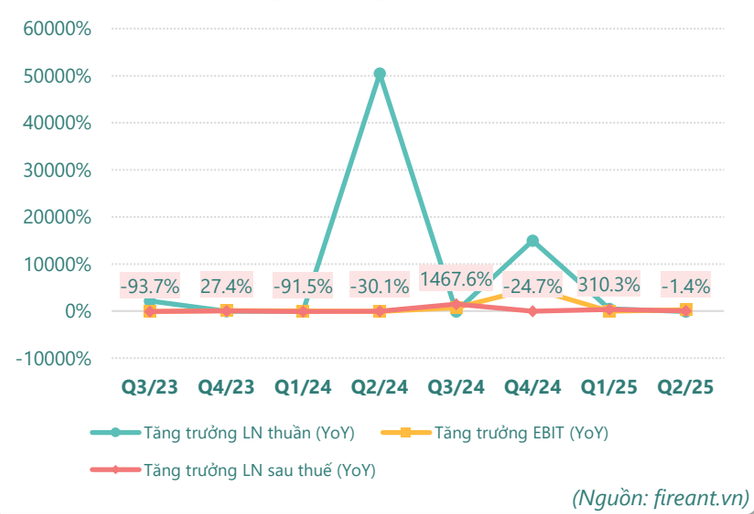
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



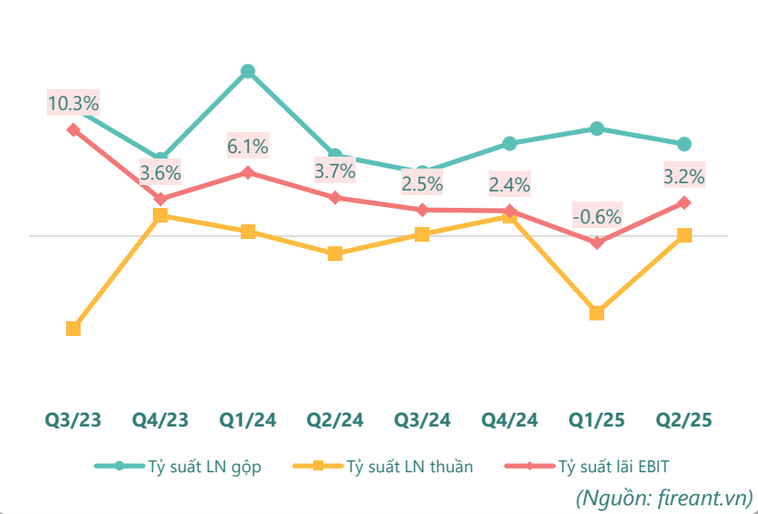
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



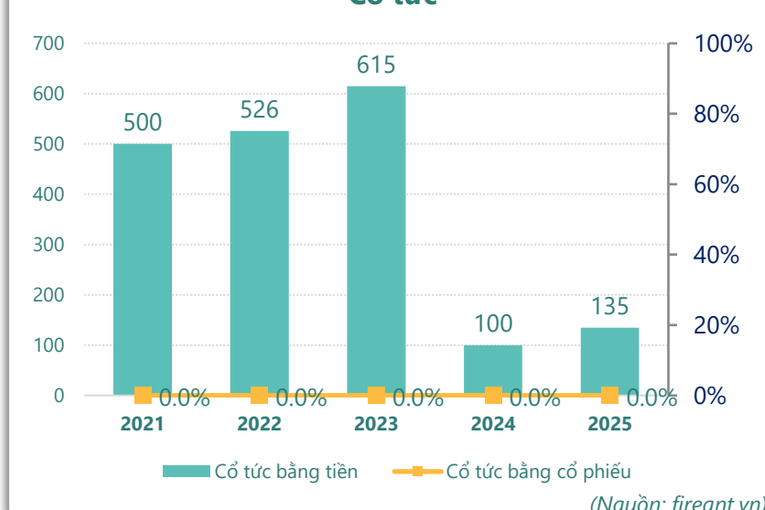
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

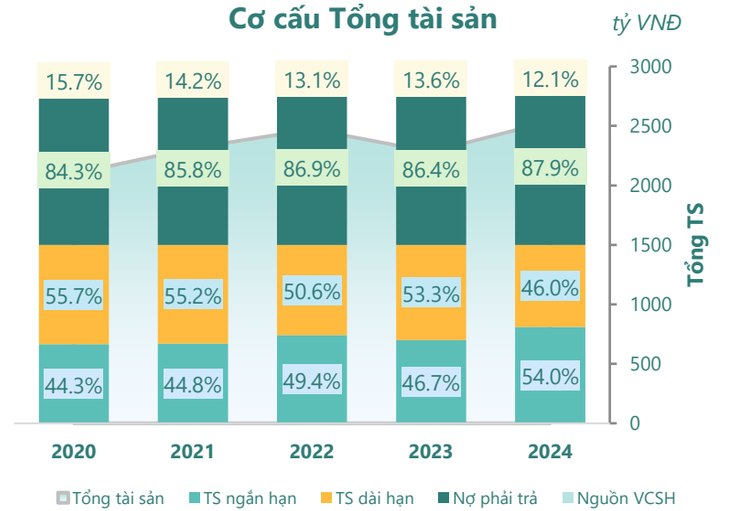
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

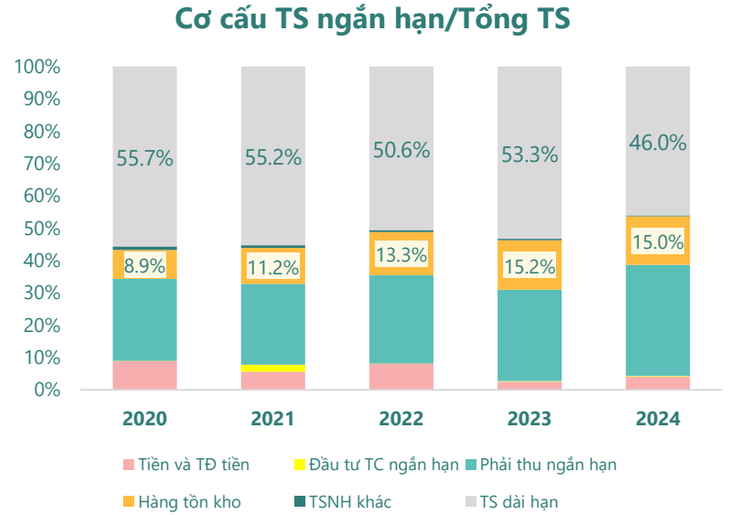
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



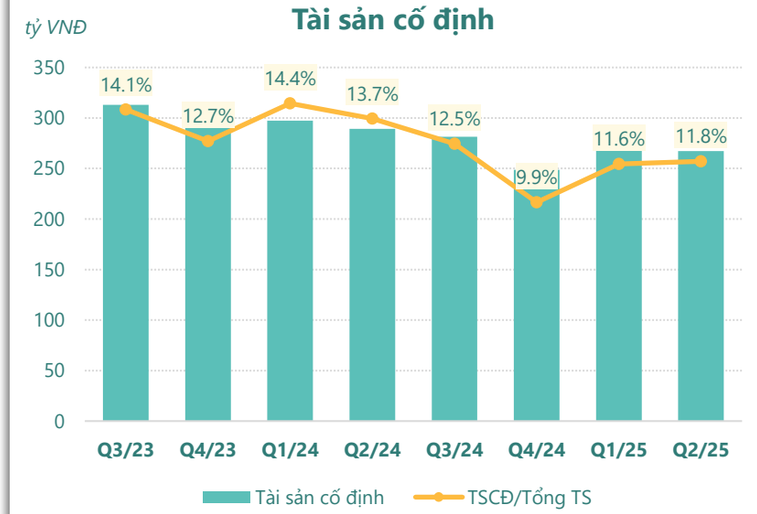
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



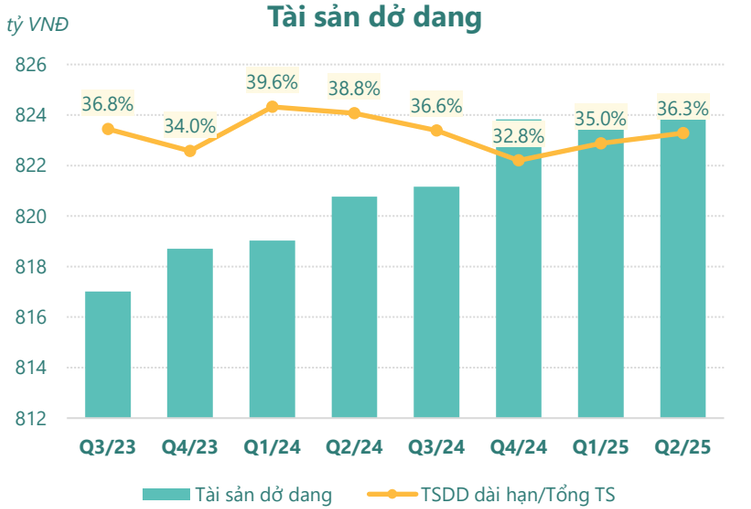
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



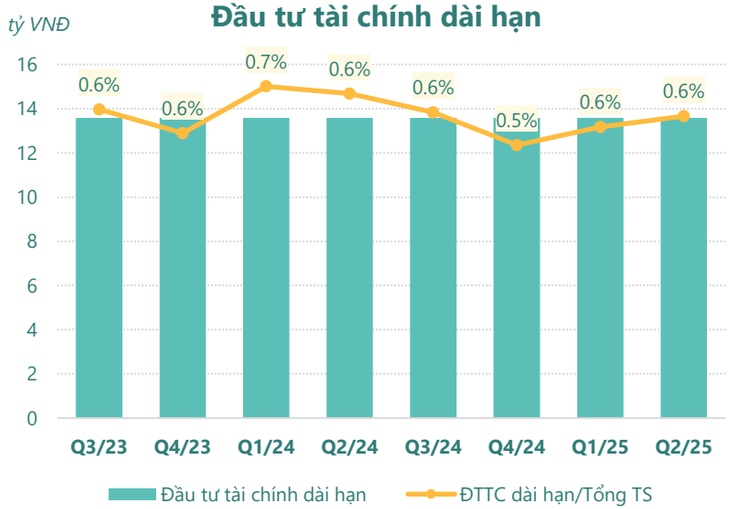
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



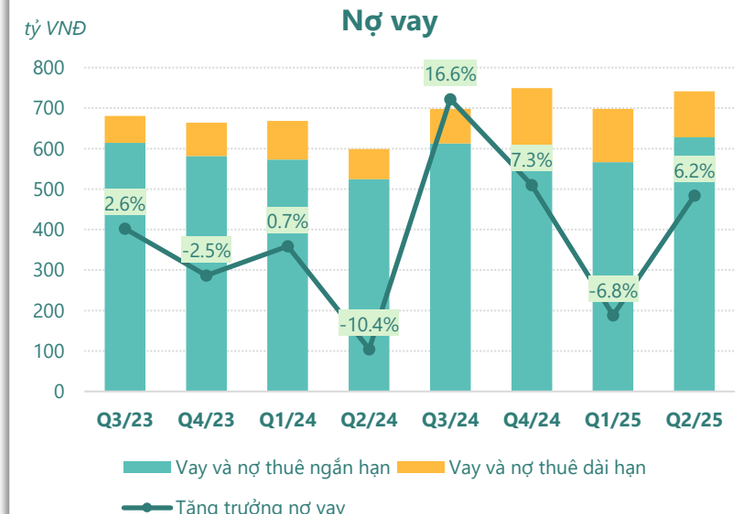
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

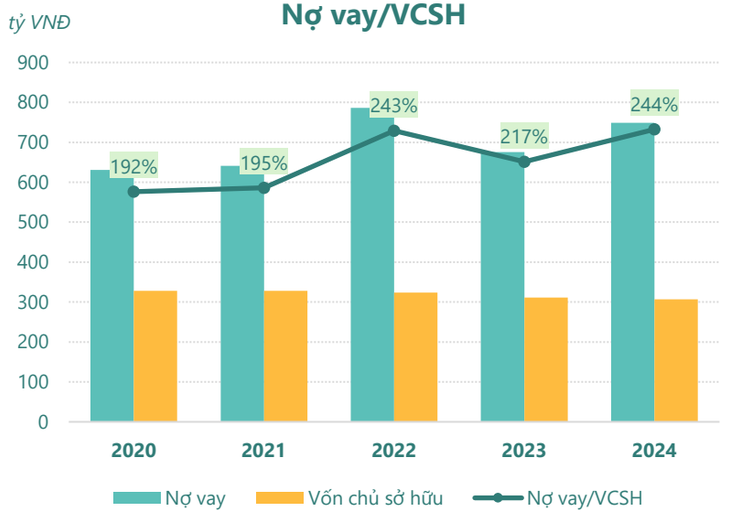
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

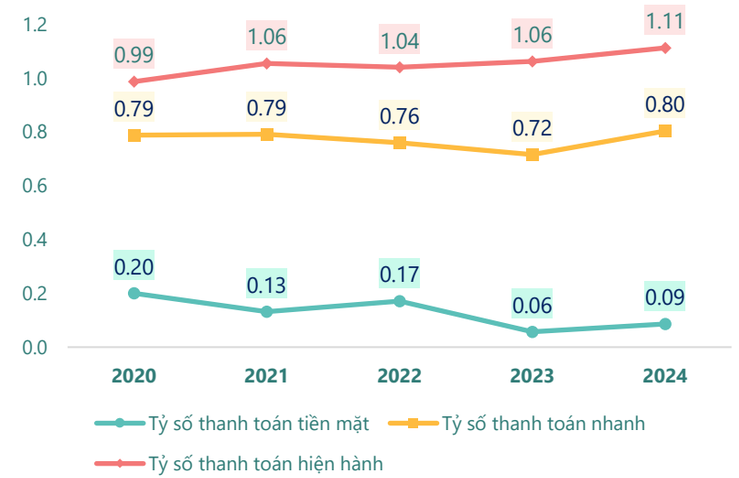
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



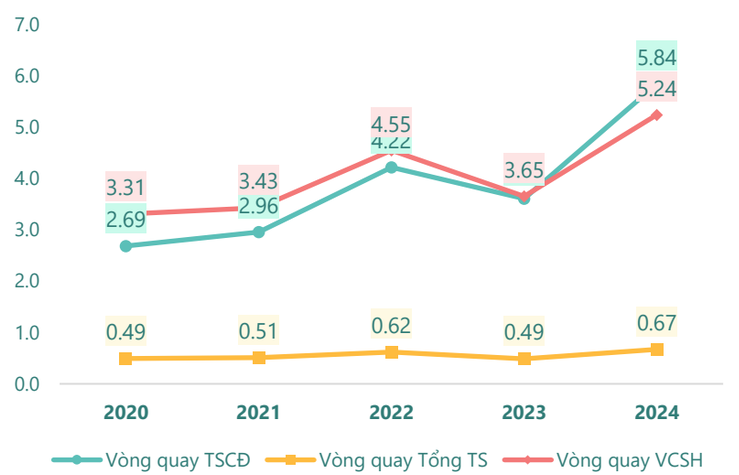
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



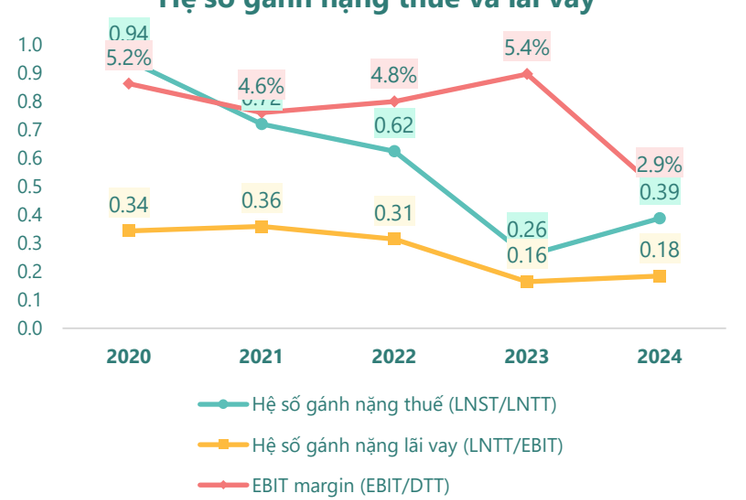
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



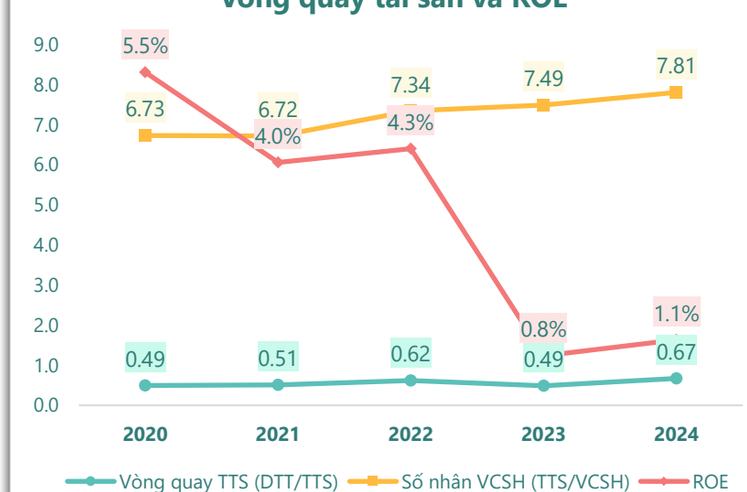
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



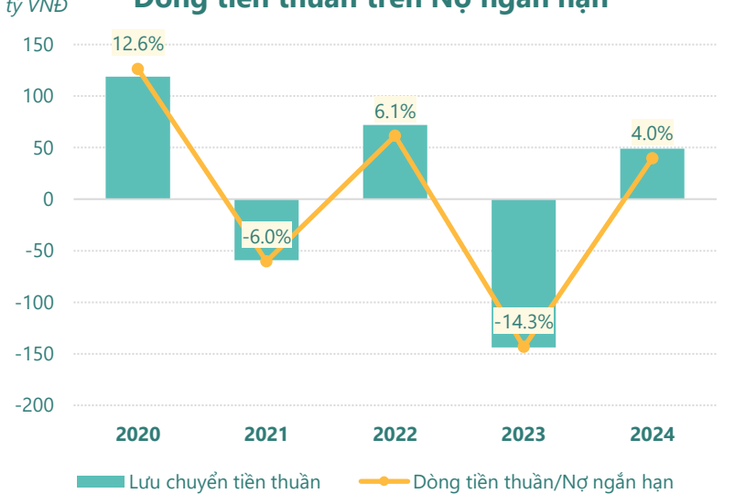
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**402**	**403**	**-0.2%**	**535**	**498**	**7.3%**
Giá vốn hàng bán	366	371	-1.3%	485	452	7.4%
Lợi nhuận gộp	35.7	31.3	14.1%	49.5	46.5	6.3%
Doanh thu HĐTC	0.29	0.78	-63.3%	0.40	0.94	-57.3%
Chi phí TC	12.5	15.2	-17.9%	20.9	21.0	-0.6%
Chi phí lãi vay	12.3	14.4	-14.3%	20.8	20.2	3.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	7.26	3.03	140%	12.3	5.23	134%
Chi phí QLDN	**16.0**	**20.8**	**-23.0%**	**26.3**	**27.7**	**-5.2%**
LN thuần từ HĐKD	0.23	-6.96	103%	-9.59	-6.52	-47.0%
Lợi nhuận khác	**0.40**	**7.48**	**-94.6%**	**0.88**	**7.13**	**-87.6%**
LN trước thuế	0.63	0.52	21.0%	-8.71	0.61	-1535%
Lợi nhuận sau thuế	**0.35**	**0.24**	**46.6%**	**-9.05**	**0.31**	**-3015%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.35**	**0.24**	**46.6%**	**-9.05**	**0.31**	**-3015%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	18.2	47.0	-162	5.01	46.0	-73.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.04	-5.16	5.15	-0.03	-0.02	1.46
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-6.20	-70.4	161	61.8	-50.8	43.1
Tiền đầu kỳ	57.4	69.3	40.9	44.5	106	101
Lưu chuyển tiền thuần	**12.0**	**-28.6**	**3.79**	**66.8**	**-4.83**	**-28.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.14	-0.14	0.00	0	0.28
Tiền cuối kỳ	69.3	40.9	44.5	111	101	73.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,273**	**2,540**	**-10.5%**
Tài sản ngắn hạn	1,086	1,371	-20.8%
Tiền và tương đương tiền	73.0	106	-31.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.22	5.15	20.8%
Phải thu ngắn hạn	577	871	-33.8%
Hàng tồn kho	411	381	7.9%
Tài sản ngắn hạn khác	19.1	7.97	140%
Tài sản dài hạn	**1,187**	**1,169**	**1.5%**
Phải thu dài hạn	29.4	28.8	2.1%
Tài sản cố định	267	249	7.4%
Bất động sản đầu tư	1.77	1.85	-4.2%
Tài sản dở dang	825	824	0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	13.6	13.6	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**50.4**	**51.7**	**-2.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,976	2,233	-11.5%
Nợ ngắn hạn	**993**	**1,232**	**-19.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	628	615	2.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	317	562	-43.6%
Nợ dài hạn	982	1,001	-1.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	114	134	-15.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**297**	**307**	**-3.2%**
Vốn chủ sở hữu	**297**	**307**	**-3.2%**
Vốn điều lệ	194	194	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)